

Số: /GPMT-UBND

Thành phố Hồng Ngự, ngày tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đề xuất Cấp giấy phép môi trường của Siêu thị
Co.opmart Hồng Ngự tại khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh
Đồng Tháp đã được chỉnh sửa, bổ sung;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1898/TTr-
PTNMT ngày 16 tháng 7 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố
Hồ Chí Minh-Co.opmart Hồng Ngự, Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh hợp tác xã
số 0301175691-040, địa chỉ: khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự,
tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Siêu thị
Co.opmart Hồng Ngự tại khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh
Đồng Tháp với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Siêu thị Co.opmart Hồng Ngự.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự,
tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký Chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-040.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-040.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thương mại dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên tổng diện tích đất 5.497,1m² tại khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Diện tích xây dựng là: 3.100m².

- Quy mô, công suất:

+ Số lượng nhân viên: 100 người;

+ Số lượng khách: 1.000 lượt khách/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với khí thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5 Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-Co.opmart Hồng Ngự được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh-Co.opmart Hồng Ngự có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký Giấy phép này).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân phường An Thạnh và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Phòng TNMT;
- UBND phường An Thạnh;
- CT, các PCT/UBND Thành Phố;
- Trang thông tin điện tử Tp Hồng Ngự;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hậu

Phụ lục 1

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Sinh hoạt của công nhân viên (bao gồm nhân viên tiếp thị và nhân viên quầy thuê), lưu lượng 6,4 m³/ngày.đêm;

Nguồn số 02: Nấu ăn, dịch vụ ăn uống, lưu lượng 2,7 m³/ngày.đêm;

Nguồn số 03: Sinh hoạt của khách mua sắm, lưu lượng 15 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước Thành phố nằm trên đường Hai Bà Trưng.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại khóm 5, phường An Thạnh, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1195467, Y=538107 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰⁰, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Theo chu kỳ 24/24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K =1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5-9	1 năm/lần	Không có
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	1 năm/lần	Không có
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	1 năm/lần	Không có
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	1 năm/lần	Không có

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	1 năm/lần	Không có
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	1 năm/lần	Không có
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	1 năm/lần	Không có
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	1 năm/lần	Không có
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	1 năm/lần	Không có
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	1 năm/lần	Không có
11	Tổng Coliforms	mg/l	3.000	1 năm/lần	Không có

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải từ bếp nấu ăn của siêu thị và các cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống. Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Nước thải sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải bơm vào hố ga lấy mẫu sau xử lý, sau đó nước thải tự chảy theo cống ngầm BTCT DN200 ra hệ thống thoát nước chung nằm trên đường Hai Bà Trưng (tại điểm có tọa độ X= 1195467, Y= 538107 theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰⁰, múi chiều 3⁰).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

STT	Hạng mục	Kích thước (m)			Thể tích (m ³)	Thời gian lưu nước	Số lượng	Vật liệu
		Dài (L)	Rộng (W)	Cao (H)				
1	Bể thu gom	1,8	1,1	3,3	6,5	-	1	BTCT
2	Bể tách mỡ 01	1,8	1,5	3,3	9,0	-	1	BTCT
3	Bể tách mỡ 02	1,8	1,2	3,3	7,1	-	1	BTCT
4	Bể tách mỡ 03	1,8	1,2	3,3	7,1	-	1	BTCT
5	Bể điều hòa	2,6	2,0	3,3	17,2	-	1	BTCT

6	Bể sinh học thiếu khí Anoxic	2,0	1,5	3,3	10,0	7,9	1	BTCT
7	Bể sinh học MBBR	2,0	1,1	3,3	7,3	5,8	1	BTCT
8	Bể sinh học hiếu khí	2,1	2,0	3,3	14,0	11,1	1	BTCT
9	Bể lắng sinh học	2,0	2,0	3,3	13,2	10,6	1	BTCT
10	Ngăn thu bùn	0,8	0,8	3,3	2,1	-	1	BTCT
11	Bể khử trùng	1,0	0,8	3,3	2,6	2,1	1	BTCT
12	Bể chứa bùn	5,3	1,8	3,3	31,5	-	1	BTCT

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp ứng phó sự cố

- Có bố trí nhân viên trực và tuân thủ đúng quy trình vận hành. Có hướng dẫn phòng ngừa và ứng phó xảy ra sự cố.

- Công tác vận hành HTXLNT được nhân viên vận hành thực hiện hàng ngày, kiểm tra tình trạng hoạt động của toàn bộ máy móc thiết bị và các bồn bể, ghi nhận các dấu hiệu bất thường và các sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục theo đúng quy trình xử lý.

- Đối với lỗi sự cố thiết bị (bơm nước thải, máy thổi khí...): Trang bị máy móc dự phòng để đảm bảo hệ thống vẫn vận hành bình thường trong thời gian đợi thiết bị hỏng hóc sửa chữa.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm, được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Có biện pháp kiểm soát chất lượng và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý và lưu giữ các số liệu liên quan tại cơ sở.

Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra thiết bị máy móc.

Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải.

Có sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, thực hiện ghi chép đầy đủ

các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không phát sinh

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích, phân bố cây xanh nhằm tạo cảnh quan và hạn chế tác động của lượng khí thải phát sinh nhỏ lẻ, không tập trung của các phương tiện giao thông, vận chuyển hàng hóa ra vào siêu thị.
2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Đảm bảo các yếu tố nhằm hạn chế tối đa sự ảnh hưởng khí thải của các phương tiện giao thông, máy phát điện dự phòng đến môi trường xung quanh.

Phụ lục 3

**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI
TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Không phát sinh

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Máy phát điện được bố trí trong khu vực riêng biệt, xa khu chế biến, kinh doanh hàng hóa,... không gây ảnh hưởng đến khách hàng, cũng như dân cư xung quan; Trang bị họng tiêu âm cho máy phát điện. Máy phát điện phải được đặt trên bệ bê tông chắc chắn với bộ chân đệm đàn hồi nhằm giảm thiểu độ rung lan truyền.

Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào siêu thị một cách hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ cho máy phát điện để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hồng Ngự)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	03
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	57
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	01
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	01
TỔNG			63

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)
1	Thùng carton, giấy vụn thải	18 01 05	43.032
2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sinh học	12 06 12	1,6
3	Dầu ăn		200
TỔNG			43.233,6

1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên và khách hàng, tổng khối lượng phát sinh 30kg/ngày, khoảng 360kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

- Bố trí thùng chứa có nắp đậy và lót túi cho từng mã chất thải nguy hại, dán nhãn, mã chất thải nguy hại, để thu gom và lưu giữ chất thải rắn nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 05m², sàn bằng phẳng, không đọng nước, không chảy tràn, thoáng khí và nằm tách biệt với khu vực kinh doanh. Dán biển cảnh báo theo quy định về quản lý chất thải nguy hại của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án theo định kỳ 01 năm/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Đối với các loại tái chế được (bao thức ăn, giấy, thùng carton, chai nhựa đựng nước uống...) được thu gom, lưu giữ tại kho phía sau của dự án, có diện tích 10 m². Định kỳ bàn giao lượng chất thải phát sinh cho đơn vị chức năng.

2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 23 thùng dung tích 20l tại các phân khu kinh doanh của cơ sở, đảm bảo thuận tiện cho công nhân viên và khách hàng. Định kỳ hàng ngày, thu gom rác thải sinh hoạt tại các thùng 20l chuyển về 02 thùng dung tích 240l ở khu vực tập kết rác. Bố trí khu vực tập kết rác có diện tích 3m² nằm tách biệt khu vực kinh doanh, có mái che, vách chắn bằng tôn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển về khu xử lý rác của Thành phố 1 ngày/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quy định gồm: Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, ngoài ra còn trang bị thêm bình chữa cháy xách tay tại các hành lang chung và khu vực kinh doanh, thiết bị phòng cháy chữa cháy để nơi dễ nhìn thấy và dễ lấy.

- Các phương tiện chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Các thiết bị điện sẽ được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống thông gió và điều hòa không khí.

- Phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy thường xuyên tổ chức huấn luyện, tuyên truyền, hướng dẫn định kỳ cho công nhân viên.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Tờ trình số: /TTr-PTNMT ngày tháng 7 năm 2024
của phòng Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án và thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa. Công khai, minh bạch vị trí đầu nổi nước mưa, nước thải của dự án.

5. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy

định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và các quy định pháp luật hiện hành.

9. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật. Trong quá trình hoạt động nếu dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

10. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.